

Thứ hai, ngày 25 tháng 4 năm 2022

Vietnam Daily Review

VN-Index rơi tự do gần 70 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/4/2022	•		
Tuần 25/4-29/4/2022	•		
Tháng 4/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay VN-Index giảm gần 70 điểm so với thứ sáu tuần trước. Hầu hết các ngành đều đồng loạt giảm mạnh, như bộ ba Bank, Chứng, Thép, Bất động sản Thủy sản, Phân bón, Dầu khí,... Nhìn vào nhóm VN30, có lẽ chúng ta chưa bao giờ thấy màu xanh hy vọng lại lạnh lẽo đến thế: 30/30 mã giảm điểm, đặc biệt 16/30 mã giảm sàn. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/19 ngành giảm điểm, chỉ có duy nhất ngành Viễn thông đứng yên. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này là điểm sáng khi mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, VN-Index đã giảm xuống vùng hỗ trợ quanh vùng 1310; nếu đã giảm tiếp tục, thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục trở về ngưỡng quanh vùng 1280.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm mạnh theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/04/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-68.31** điểm, đóng cửa **1310.92** điểm. HNX-Index **-21.61** điểm, đóng cửa **337.51** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+0.28)**, **BHN (+0.11)**, **SCR (+0.06)**, **LGC (+0.05)**, **FLC (+0.04)**.
- Kéo chỉ số giảm:**GAS (-3.68)**, **HPG (-3.36)**, **BID (-3.30)**, **VPB (-2.79)**, **TCB (-2.64)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19.576** tỷ đồng, giảm **-14.86%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21.945 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 83.75 điểm. Thị trường có **37** mã tăng, 21 mã tham chiếu và **443** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **226.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SBT (132.90 tỷ)**, **VRE (62.80 tỷ)**, **DGC (55.46 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.41** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1310.92**
Giá trị: 19575.71 tỷ **-68.31 (-4.95%)**
Khối ngoại (ròng): 226.18 tỷ

HNX-INDEX **337.51**
Giá trị: 1925.65 tỷ **-21.61 (-6.02%)**
Khối ngoại (ròng): 14.41 tỷ

UPCOM-INDEX **99.54**
Giá trị: 0.98 tỷ **-4.61 (-4.43%)**
Khối ngoại(ròng): 10.11 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	97.1	-4.83%
Giá vàng	1,917	-0.78%
Tỷ giá USD/VND	22,965	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	24,675	-0.62%
Tỷ giá JPY/VND	17,952	0.35%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	23.05%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	132.9	HPG	-118.3
VRE	62.8	DXG	-73.9
DGC	55.5	VCB	-37.5
VNM	50.7	OCB	-33.0
GMD	45.0	VHM	-25.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

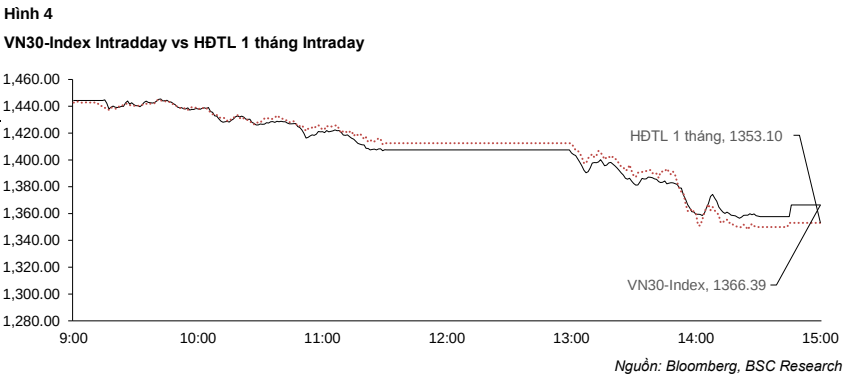
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu								

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
4/1/2022	SIP	140	163	134	SL	11	-4.29%
3/31/2022	VNM	80.9	95	76.8	SL	12	-5.07%
3/29/2022	MSH	86.2	101	80.2	TP	17	17.17%
3/28/2022	GMD	56.3	63.2	53	SL	15	-5.86%
3/24/2022	BMP	61	68	58.9	SL	32	-3.44%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	0	0.00%	0.00%	0.00%	0
Cổ phiếu đã chốt	243	208	7.22%	-7.58%	4.32%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1353.10	-6.36%	-13.29	23.5%	280,121	5/19/2022	26
VN30F2206	1352.00	-6.41%	-14.39	35.3%	720	6/16/2022	54
VN30F2209	1350.10	-6.75%	-16.29	0.0%	84	9/15/2022	145
VN30F2212	1357.90	-5.82%	-8.49	234.5%	97	Testing Data... Requesting Data...	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 rơi tự do -77.93 điểm xuống 1366.39 điểm. Các cổ phiếu như VPB, HPG, TCB, FPT, MWG đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 chứng kiến phiên giảm điểm mạnh nhất trong lịch sử về ngưỡng hỗ trợ 1350 điểm. Nếu không giữ vững được tại ngưỡng này, VN30 có thể điều chỉnh về ngưỡng 1287 điểm.
- Các HDTL giảm mạnh theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng, trừ VN30F2209 giảm nhẹ. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2201	10/5/2022	163	16:1	2,500	31.11%	3,000	1,820	2.25%	41	44.04	120,044	113,333	62,000
CMBB2201	9/20/2022	148	9.98:1	81,000	28.45%	2,700	2,700	-3.91%	165	16.33	59,440	29,500	28,100
CNVL2201	10/5/2022	163	6:1	901,300	22.87%	1,100	500	-7.41%	217	2.31	104,719	93,979	80,100
CNVL2202	8/15/2022	112	15.2:1	22,000	22.87%	1,000	750	-9.64%	306	2.45	112,223	79,999	80,100
CKDH2203	7/18/2022	84	2:1	530,800	35.10%	5,000	1,900	-13.24%	231	8.24	58,780	57,000	46,000
CMSN2201	9/21/2022	149	20:1	382,700	36.53%	2,000	780	-21.21%	185	4.21	204,323	169,999	116,000
CMWG2201	9/20/2022	148	6:1	606,400	27.26%	2,600	2,470	-25.38%	2,889	0.85	154,360	134,500	144,900
CKDH2204	8/15/2022	112	5:1	117,800	35.10%	1,300	570	-25.97%	276	2.06	56,633	53,333	46,000
CPDR2202	8/15/2022	112	5:1	7,400	31.11%	1,200	570	-25.97%	492	1.16	72,908	92,222	62,000
CMWG2202	8/1/2022	98	12:1	859,900	27.26%	4,000	3,490	-26.53%	746	4.68	239,800	145,000	144,900
CMSN2104	5/4/2022	9	19.9:1	48,400	36.53%	5,200	2,260	-27.10%	898	2.52	118,148	0	116,000
CKDH2107	4/27/2022	2	8:1	675,300	35.10%	1,300	470	-27.69%	267	1.76	45,808	43,888	46,000
CKDH2201	10/5/2022	163	4:1	223,800	35.10%	1,500	460	-29.23%	189	2.44	62,178	61,618	46,000
CMSN2111	5/24/2022	29	6.99:1	271,400	36.53%	2,950	340	-30.61%	71	4.79	149,993	160,000	116,000
CKDH2202	6/24/2022	60	2:1	233,900	35.10%	2,080	830	-38.52%	411	2.02	54,860	52,000	46,000
CMWG2113	5/24/2022	29	10:1	156,300	27.26%	2,250	950	-40.25%	139	6.83	229,600	113,000	144,900
CMBB2109	5/4/2022	9	2:1	46,500	28.45%	1,100	100	-47.37%	0	1,901.36	41,949	32,789	28,100
CNVL2104	4/27/2022	2	10:1	1,567,400	22.87%	1,300	10	-50.00%	1	14.78	92,360	108,888	80,100
CMSN2108	4/27/2022	2	9.98:1	736,700	36.53%	1,600	10	-66.67%	0	996,096.66	148,885	159,999	116,000
CPDR2103	4/27/2022	2	20:1	122,300	31.11%	1,200	10	-75.00%	0	24.28	97,564	88,888	62,000
Tổng				7,591,300	31.11%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/04/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CPDR2103 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 143.59% và 2.25%. Giá trị giao dịch giảm -16.01%. CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.01% thị trường.
- CVRE2110, CVPB2203, CMWG2201, và CTPB2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2202, CFPT2203, CPNJ2201, và CVPB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2201, CFPT2202, CPNJ2201, và CVPB2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	144.9	-7.0%	0.5	4,612	23.8	6,936	20.9	5.1	50.3%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	107.0	-7.0%	0.6	1,128	8.6	5,443	19.7	3.2	52.2%	18.0%	
BVH	Bảo hiểm	58.6	-7.0%	1.3	1,891	7.1	2,554	22.9	2.1	26.3%	9.2%	
PVI	Bảo hiểm	48.5	-9.3%	0.5	494	0.7	3,644	13.3	1.5	58.0%	10.9%	
VIC	Bất động sản	76.2	-1.9%	0.6	12,636	9.1	(690)	#N/A	2.8	12.6%	-2.8%	
VRE	Bất động sản	29.1	-6.0%	1.1	2,870	7.4	578	50.2	2.2	30.6%	4.4%	
VHM	Bất động sản	63.0	-2.6%	1.1	11,927	18.5	9,004	7.0	2.2	23.6%	36.9%	
DXG	Bất động sản	33.5	-3.5%	1.4	884	16.1	1,942	17.2	2.3	32.4%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	33.6	-6.9%	1.6	1,448	16.6	3,023	11.1	2.2	37.2%	22.6%	
VCI	Chứng khoán	41.5	-7.0%	1.0	601	4.4	4,884	8.5	1.9	18.7%	26.9%	
HCM	Chứng khoán	25.6	-6.9%	1.5	509	3.3	2,619	9.8	1.5	42.1%	17.9%	
FPT	Công nghệ	103.4	-6.9%	0.9	4,080	21.1	5,152	20.1	4.9	49.0%	26.1%	
FOX	Công nghệ	79.0	-3.5%	0.4	1,128	0.1	4,926	16.0	4.3	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	104.5	-6.9%	1.1	8,696	3.2	4,381	23.9	3.9	2.8%	17.4%	
PLX	Dầu khí	46.6	-7.0%	1.5	2,574	4.8	2,344	19.9	2.4	17.2%	12.3%	
PVS	Dầu khí	21.5	-9.3%	1.8	447	10.4	1,258	17.1	0.9	8.5%	5.0%	
BSR	Dầu khí	19.8	-11.2%	0.8	2,669	7.1	2,108	9.4	1.6	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	96.0	-5.6%	0.2	546	0.2	6,105	15.7	3.5	54.2%	21.8%	
DPM	Hóa chất	62.0	-6.9%	0.9	1,055	16.2	12,920	4.8	2.0	12.6%	50.2%	
DCM	Hóa chất	35.9	-6.9%	0.8	826	7.5	3,073	11.7	2.6	7.2%	23.7%	
VCB	Ngân hàng	81.8	-0.5%	0.9	16,831	8.7	4,632	17.7	3.6	23.6%	21.6%	
BID	Ngân hàng	35.9	-6.9%	1.2	7,885	4.7	2,084	17.2	2.2	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	27.4	-7.0%	1.5	5,715	7.7	2,932	9.3	1.4	25.7%	15.8%	
VPB	Ngân hàng	34.3	-6.9%	1.2	6,620	49.9	3,874	8.8	1.7	17.5%	24.0%	
MBB	Ngân hàng	28.1	-6.3%	1.2	4,616	20.5	3,362	8.4	1.8	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	30.5	-5.6%	1.1	3,583	11.4	3,554	8.6	1.8	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	58.9	-5.6%	0.6	210	0.3	2,619	22.5	2.1	85.5%	9.0%	
NTP	Nhựa	49.0	-7.5%	0.4	251	0.4	3,990	12.3	2.0	17.9%	16.9%	
MSR	Tài nguyên	25.0	-8.4%	1.2	1,195	0.7	178	140.4	1.9	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	40.8	-7.0%	1.1	7,925	52.9	7,166	5.7	2.0	21.6%	42.8%	
HSG	Thép	28.1	-7.0%	1.4	603	9.6	8,581	3.3	1.2	6.7%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	73.5	-3.2%	0.7	6,679	8.6	4,518	16.3	4.6	54.3%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	158.4	-7.0%	0.8	4,416	1.8	5,718	27.7	4.8	62.7%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	116.0	-5.9%	0.9	7,145	5.6	6,048	19.2	5.0	28.5%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	18.1	-6.9%	1.4	495	2.4	1,135	15.9	1.4	7.5%	8.7%	
ACV	Vận tải	83.0	-7.0%	0.8	7,856	0.4	363	228.8	4.8	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	131.0	-5.2%	1.1	3,085	3.7	185	706.3	4.2	16.9%	0.6%	
HVN	Vận tải	20.7	-5.5%	1.7	1,993	1.9	(6,783)	N/A	N/A	30.8	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	48.8	-7.0%	1.0	639	9.3	1,869	26.1	2.3	43.3%	9.2%	
PVT	Vận tải	18.6	-7.0%	1.3	262	3.1	2,038	9.1	1.2	10.6%	13.1%	
VCS	Vật liệu xây dựng	103.5	-8.3%	0.7	720	1.2	10,538	9.8	3.4	3.4%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	44.1	-7.0%	0.5	860	1.8	3,677	12.0	2.5	4.5%	22.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	18.6	-6.8%	0.9	309	1.2	783	23.7	1.4	2.0%	5.6%	
CTD	Xây dựng	54.9	-3.7%	1.2	176	2.7	308	178.2	0.5	45.5%	0.3%	
CII	Xây dựng	22.3	-6.9%	1.2	243	3.7	1,266	17.6	1.0	12.3%	6.1%	
REE	Điện	71.3	-6.9%	-1.4	958	4.2	6,002	11.9	1.7	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	35.6	-6.9%	-0.4	364	3.4	3,014	11.8	1.8	4.9%	16.0%	
POW	Điện	12.5	-6.7%	0.6	1,268	7.6	768	16.2	1.0	2.0%	6.3%	
NT2	Điện	21.0	-6.9%	0.6	262	1.8	1,933	10.8	1.4	13.6%	13.1%	
KBC	Khu công nghiệp	40.0	-5.9%	1.4	1,001	12.6	1,590	25.2	1.6	18.9%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	76.5	1%	0.8	3,443	2.2	1,357	56.4	4.9	2.5%	8.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCM	76.50	1.32	0.27	648900
BHN	58.80	2.98	0.10	3000
LGC	43.40	2.48	0.05	800
SCR	16.45	3.46	0.05	6.78MLN
FLC	6.81	2.87	0.04	17.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-3.83	684200	1.11MLN
HPG	-0.01	-3.50	29.06MLN	607060
BID	-0.01	-3.44	2.95MLN	373600
VPB	-0.01	-2.95	32.74MLN	192700
TCB	-0.01	-2.75	12.32MLN	611640

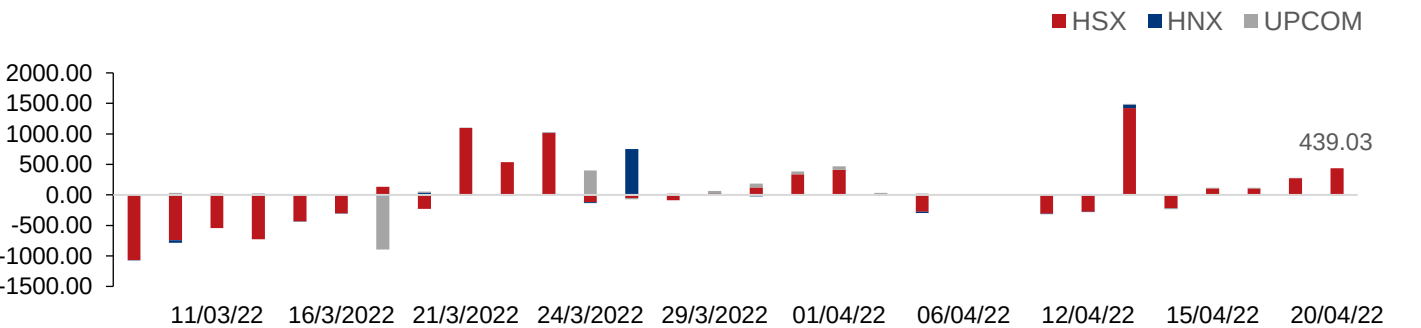
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	5.89	6.90	0.00	59000.00
SJF	11.75	6.82	0.02	1.67MLN
ST8	13.35	6.80	0.01	90600
VRC	14.25	6.74	0.01	275500
TAC	64.80	6.23	0.03	27000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAH	64.80	-7.90	-0.07	1.18MLN
D2D	46.50	-7.00	-0.03	201600
DCL	27.90	-7.00	-0.04	87700.00
FCN	18.60	-7.00	-0.06	3.71MLN
PVT	18.60	-7.00	-0.12	3.68MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	103.4	5,152	20.1	4.9	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.6	2,466	11.6	1.8	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	35.2	10,793	3.3	1.3	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.5	768	16.2	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	107.0	5,443	19.7	3.2	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	144.9	6,936	20.9	5.1	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.6	2,038	9.1	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	221.4	18,902	11.7	5.2	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	40.8	7,166	5.7	2.0	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	40.0	1,590	25.2	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	36.3	5,084	7.1	2.3	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	33.5	1,942	17.2	2.3	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	132.0	7,460	17.7	6.6	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	41.2	1,006	40.9	2.2	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	31.4	2,917	10.8	2.0	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	89.1	8,331	10.7	2.6	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	34.3	1,941	17.6	1.6	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.5	3,644	13.3	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	21.5	1,258	17.1	0.9	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	104.5	4,381	23.9	3.9	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	25.2	3,141	8.0	1.6	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	54.9	308	178.2	0.5	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.6	1,454	10.7	0.7	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	14.3	1,599	8.9	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	14.3	1,599	8.9	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	16.2	2,324	7.0	2.3	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	107.0	5,443	19.7	3.2	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	107.0	5,443	19.7	3.2	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	144.9	6,936	20.9	5.1	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	50.3	2,762	18.2	3.6	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	42.2	1,900	22.2	1.8	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	19.8	2,108	9.4	1.6	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.6	948	23.8	1.3	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	89.1	8,331	10.7	2.6	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.6	1,637	17.5	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.1	689	19.0	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	28.6	3,600	7.9	1.4	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.0	3499.1	12.6	1.8	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.0	1,933	10.8	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	104.5	4,381	23.9	3.9	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	35.2	10,793	3.3	1.3	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	46.0	1,781	25.8	2.9	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	73.5	4,518	16.3	4.6	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	103.4	5,152	20.1	4.9	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.1	578	50.2	2.2	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	221.4	18,902	11.7	5.2	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	42.8	5,924	7.2	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
3	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
5	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
6	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
8	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
10	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
13	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
14	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
15	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
17	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
20	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
23	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
30	Banking Sector Outlook		x	Click
31	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
33	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
34	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
35	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
36	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
37	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
38	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
39	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
40	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
41	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
42	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
43	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
44	Fishery Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639